**MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chủ đề | Bài học | Mức độ nhận thức | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng | | | | % Tổng  điểm |
| Nhận biết | | | | Thông hiểu | | | | Vận dụng | | | | Vận dụng cao | | | |
| CH | | Điểm | | CH | | Điểm | | CH | | Điểm | | CH | | Điểm | | CH | | Điểm | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1 | Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường | Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường | 1 |  | 0,25 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 | 0 | 10 |
| 2 | Bài 2: Cung - cẩu trong kinh tế thị trường | 1 |  | 0,25 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 | 0 |
| 3 | Lạm phát, thất nghiệp | Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường | 1 |  | 0,25 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 | 0 | 12,5 |
| 4 | Thị trường lao động, việc làm | Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường | 2 |  | 0,5 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 0,75 | 0 |
| 5 | Bài 5:Thị trường lao động, việc làm | 3 |  | 0,75 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  | 1 | 0 | 10 |
| 6 | Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh | Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực  cần thiết của người kinh doanh | 4 |  | 1 |  | 3 |  | 0,75 |  |  | 1 |  | 2 |  |  |  |  | 7 |  | 1,75 | 2 | 37,5 |
| 7 | Đạo đức kinh doanh | Bài 7: Đạo đức kinh doanh | 3 |  | 0,75 |  | 3 |  | 0,75 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 6 |  | 1,5 | 1 | 25 |
| 8 | Văn hoá tiêu dùng | Bài 8: Văn hoá tiêu dùng | 1 |  | 0,25 |  | 1 |  | 0,25 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 | 0 | 5 |
| Tổng | | | 16 | 0 | 4 | 0 | 12 | 0 | 3 | 0 | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 1 | 28 | 0 | 7 | 3 | 100 |
| Tỷ lệ % | | | 40 | | | | 30 | | | | 20 | | | | 10 | | | | 28 | | 10 | |

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I – GDKT&PL 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mạch kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Các mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận**  **dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1 | Chủ đề 1: Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường | Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường | **Nhận biết:**  - Nêu được: Khái niệm cạnh tranh  **Thông hiểu:**  - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh  - Phân tích được: Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.  **Vận dụng:**  - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.  **Vận dụng cao**:  - Phân tích được những biểu hiện tích cực và tiêu cực hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường | **Nhận biết:**  - Nêu được: Khái niệm cung, cầu  **Thông hiểu:**  - Trình bày được: Các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu.  - Phân tích được: Mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.  **Vận dụng:**  - Phê phán những biểu hiện vận dụng không đúng quan hệ cung cầu trong nền kinh tế  **Vận dụng cao**:  - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | **Chủ đề 2:**  **Lạm phát, thất nghiệp** | Bài 3: Lạm phát | **Nhận biết:**  - Nêu được: Khái niệm lạm phát, các loại hình lạm phát và thất nghiệp.  – Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát  **Thông hiểu:**  - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.  – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát  **Vận dụng:**  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát. | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Bài 4: Thất nghiệp | **Nhận biết:**  - Nêu được: Khái niệm thất nghiệp. Các loại hình thất nghiệp.  - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.  - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.  **Vận dụng:**  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. | 2 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Chủ đề 3: Thị trường lao động và việc làm | Bài 5: Thị trường lao động và việc làm | **Nhận biết:**  - Nêu được: Khái niệm lao động. Khái niệm thị trường lao động. Khái niệm việc làm, khái niệm thị trường việc làm.  **Thông hiểu:**  - Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động và thị trường việc làm.  - Xác định được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.  **Vận dụng:**  - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động và việc làm của thị trường  **Vận dụng cao:**  Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. | 3 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | Chủ đề 4:  Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực  cần thiết của người kinh doanh | Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực  cần thiết của người kinh doanh | **Nhận biết:**  - Nêu được: Ý tưởng kinh doanh là gì. Cơ hội kinh doanh là gì  - Xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh.  - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định các cơ hội kinh doanh  **Vận dụng:**  - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.  - Đánh giá các cơ hội kinh doanh.  **Vận dụng cao:**  – Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. | 4 | 0 | 3 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 |
| **7** | **Chủ đề 5:**  Đạo đức kinh doanh | Bài 7: Đạo đức kinh doanh | **Nhận biết:**  Nêu được: Quan niệm về đạo đức kinh doanh. Vai trò của đạo đức kinh doanh.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.  **Vận dụng:**  - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.  **-** Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.  **Vận dụng cao**  - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. | 3 | 0 | 3 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 |
| **8** | **Chủ đề 6:**  Bài 8: Văn hoá tiêu dùng | Bài 8: Văn hoá tiêu dùng | **Nhận biết:**  - Nêu được: Vai trò của văn hoá tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế  - Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam  - Trình bày được các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.  **Vận dụng:**  – Phê phán được những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng.  **Vận dụng cao**:  - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.  -Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá. | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 9 | Tổng |  |  | 16 | 0 | 12 | 0 | 8 | 0 | 4 | 0 |